TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15-9-2021
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trịnh Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Dương Đông Phong;

2. ông Nguyễn Thị Hương.

Thư ký phiên tòa: ông Đỗ ngọc Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa *tham gia phiên tòa*: ông Đỗ Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 69/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1999.

2. *Bị đơn*: Anh Mai Hồng G, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh T.

Tại phiên tòa chị H và anh G đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị H trình bày: Chị và anh Mai Hồng G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T ngày 02/11/2018. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 12 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh G chơi bời, bài bạc, nợ nần, không có trách nhiệm với vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Chị H đã cho anh G nhiều cơ hội sửa chữa nhưng anh G vẫn không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn.Chị H và anh G đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay, thời

gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Mai Hồng G.

Về con chung*:* Chị H khai, vợ chồng có một con chung, cháu tên là Mai Đỗ Thành Đ, sinh ngày 27/9/2019, hiện nay cháu Đ đang ở với chị H. Chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị Đỗ Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tống đạt hợp lệ, triệu tập anh Mai Hồng G đến Toà án để viết bản khai nhưng anh G không có mặt mà không có lý do nên không có bản khai của anh G.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh G và được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chlà phù hợp với quy định tại Điều 56; Điều 81, 82, 83, khoản 1, Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Mai Hồng G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh G không có mặt mà không có lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Anh G cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt, chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H và anh G là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Mai Hồng G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sốnghòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị H, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh G chơi bời, cờ bạc, vay nợ, không quan tâm đến vợ con. Kết quả xác minh ngày 29/6/2021 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H cũng cho thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh G là do anh G chơi bời, vay nợ nhiều. Chị H và anh G đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, chứng tỏ đời sống chung giữa H và anh G đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1, Điều

56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị H được ly hôn với anh G là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị Đỗ Thị H khai, vợ chồng có một con chung, cháu tên là Mai Đỗ thành Đ, sinh ngày 27/9/2019. Chị H cũng xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu Đ, trong đó xác định cháu Đ là con chung của chị H và anh G. Mặt khác, cháu Đ được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên đủ cơ sở khẳng định cháu Đ là con chung của chị H và anh G. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Đ do chị H nuôi dưỡng và chưa đủ 36 tháng tuổi, do đó giao cháu Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng,ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là phù hợp với với quy định tại Điều 81, 82, 83, khoản 1, Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản: Chị Đỗ Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 56; Điều 81; 82; 83, khoản 1, Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị H và anh Mai Hồng G.

2. Về con chung: Công nhận cháu Mai Đỗ Thành Đ, sinh ngày 27/9/2019 là con chung của chị H và anh G. Giao cháu Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh G không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị H.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0009358 ngày 27/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thanh Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Dương Đông Phong Nguyễn Thị Hương Trịnh Thanh Hương

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

Trịnh Thanh Hương